BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 171/2014/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2014*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính Sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia theo quy định tại Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình (sau đây gọi tắt là Đơn vị chủ trì), các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình, cơ quan quản lý Chương trình và cơ quan cấp kinh phí hỗ trợ.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình từ các nguồn sau:

a) Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm;

b) Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình;

c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc:

a) Kinh phí thực hiện Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách thường xuyên hàng năm của Bộ Công Thương;

b) Hỗ trợ đơn vị tham gia thực hiện Chương trình thông qua Đơn vị chủ trì;

c) Các Đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm huy động các nguồn vốn kết hợp với phần ngân sách hỗ trợ để đảm bảo thực hiện được Chương trình.

Điều 4. Quy định về quản lý chi tiêu

1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ các đề án đảm bảo quy mô, khối lượng theo quy định tại Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các khoản chi phải theo đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và phạm vi hỗ trợ kinh phí cho nội dung Chương trình theo quy định tại Thông tư này.

3. Thực hiện đấu thầu theo quy định Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành có liên quan về mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Nội dung hợp đồng; khối lượng, chất lượng công việc, thời gian thực hiện hợp đồng; trách nhiệm của các bên thực hiện hợp đồng; nội dung, thời gian nghiệm thu và thanh lý hợp đồng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

5. Cục Xúc tiến thương mại tạm ứng, thanh toán cho các Đơn vị chủ trì vào tài khoản tiền gửi tại kho bạc nhà nước nơi đơn vị giao dịch.

Điều 5. Phạm vi và mức hỗ trợ kinh phí đối với Chương trình Xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu

1. Chi hỗ trợ "Thông tin thương mại, nghiên cứu thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu các thị trường xuất khẩu trọng điểm theo ngành hàng": Hỗ trợ 70% các khoản chi phí:

a) Chi phí mua tư liệu;

b) Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu;

c) Chi phí xuất bản và phát hành;

d) Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 1,5 triệu đồng/1 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

2. Chi hỗ trợ "Tuyên truyền xuất khẩu":

a) Quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý nổi tiếng của vùng, miền ra thị trường nước ngoài: Hỗ trợ 70% chi phí theo hợp đồng, bao gồm:

- Chi phí thiết kế, xây dựng kế hoạch, nội dung truyền thông;

- Chi phí sản xuất, xuất bản và phát hành trong nước và nước ngoài để giới thiệu, quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý.

b) Mời đại diện cơ quan truyền thông nước ngoài đến Việt Nam để viết bài, làm phóng sự trên báo, tạp chí, truyền thanh, truyền hình, internet nhằm quảng bá cho xuất khẩu Việt Nam theo hợp đồng trọn gói: Hỗ trợ 70% chi phí sản phẩm truyền thông hoàn thành (bộ phim đã phát sóng, bài viết đã đăng).

3. Chi hỗ trợ "Thuê chuyên gia trong và ngoài nước để tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển xuất khẩu, thâm nhập thị trường nước ngoài":

a) Hợp đồng trọn gói với chuyên gia tư vấn: Hỗ trợ 70% chi phí sản phẩm tư vấn hoàn thành;

b) Tổ chức cho chuyên gia trong và ngoài nước gặp gỡ, phổ biến kiến thức và tư vấn cho doanh nghiệp: Hỗ trợ 100% chi phí thuê hội trường, thiết bị, trang trí, tài liệu, biên dịch, phiên dịch, phương tiện đi lại cho chuyên gia;

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 2 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

4. Chi hỗ trợ "Đào tạo, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước nhằm nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại": Hỗ trợ 50% đối với đối tượng là doanh nghiệp, hợp tác xã; hỗ trợ 100% đối với đối tượng là các tổ chức xúc tiến thương mại Chính phủ và phi Chính phủ; gồm các khoản chi sau:

a) Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên, các khoản chi khác (nếu có);

b) Hoặc học phí trọn gói của khoá học.

5. Chi hỗ trợ "Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm thương mại":

a) Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;

- Trang trí chung của khu vực Việt Nam (bao gồm cả gian hàng quốc gia nếu có);

- Chi phí tổ chức khai mạc (nếu là hội chợ triển lãm riêng của Việt Nam): Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

- Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, trang thiết bị, trang trí, âm thanh, ánh sáng, phiên dịch, an ninh, lễ tân, nước uống, tài liệu, diễn giả;

- Trình diễn sản phẩm: Thuê địa điểm, thiết kế và trang trí sân khấu, âm thanh, ánh sáng, trang thiết bị, người trình diễn, người dẫn chương trình, phiên dịch;

- Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình;

- Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 200 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

b) Tổ chức hội chợ triển lãm định hướng xuất khẩu tại Việt Nam: Hỗ trợ 50% các khoản chi phí:

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;

- Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa tính trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng);

- Chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm;

- Trang trí chung của hội chợ triển lãm;

- Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

- Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, thiết bị;

- Các khoản chi khác (nếu có);

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 12 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

c) Tuyên truyền quảng bá và mời khách đến giao dịch khi tổ chức hội chợ triển lãm quy định tại điểm a, điểm b Khoản 5 Điều 5 Thông tư này: Hỗ trợ 100% chi phí sản xuất, phát hành giới thiệu hội chợ triển lãm và các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 12% chi phí tổ chức hội chợ quy định tại điểm a, điểm b Khoản 5 Điều 5 Thông tư này.

6. Chi hỗ trợ "Tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài": Hỗ trợ 100% các khoản chi phí sau:

a) 01 vé máy bay khứ hồi/ 01 đơn vị tham gia;

b) Tổ chức hội thảo giao thương: Thuê hội trường, thiết bị, giấy mời, phiên dịch, tài liệu;

c) Tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch;

d) Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình;

d) Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là: 40 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Châu Á; 60 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực: Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á; 100 triệu đồng)/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ La Tinh.

7. Chi hỗ trợ "Tổ chức hoạt động xúc tiến tổng hợp": Hỗ trợ 70% các khoản chi theo nội dung cụ thể tại quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 5 của Thông tư này với mức khống chế số tiền hỗ trợ theo tỷ lệ tương ứng.

8. Chi hỗ trợ "Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng": Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

a) Chi phí đón tiếp đoàn doanh nghiệp nước ngoài;

b) Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình;

c) Tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch;

d) Các khoản chi khác (nếu có).

9. Chi hỗ trợ "Tổ chức hội nghị quốc tế ngành hàng xuất khẩu tại Việt Nam": Hỗ trợ 100% các khoản chi phí sau:

a) Chi phí thuê và trang trí hội trường, trang thiết bị, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu;

b) Chi phí tuyên truyền, quảng bá.

10. Chi hỗ trợ "Các hoạt động xúc tiến thương mại đã thực hiện và có hiệu quả trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu": Hỗ trợ 100% các khoản chi phí (nếu hoạt động này chưa được hỗ trợ trong Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia):

a) 01 vé máy bay khứ hồi/01 đơn vị tham gia;

b) Chi phí ăn, ở;

c) Chi phí tham gia gian hàng hội chợ triển lãm;

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 200 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

Điều 6. Phạm vi và mức hỗ trợ kinh phí đối với Chương trình Xúc tiến thương mại thị trường trong nước

1. Chi hỗ trợ "Tổ chức các hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, giới thiệu các sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam đến người tiêu dùng theo quy mô thích hợp cho từng địa phương": Hỗ trợ 50% các khoản chi phí sau:

a) Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;

b) Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa có trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng);

c) Chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm;

d) Trang trí chung của hội chợ triển lãm;

đ) Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

e) Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, thiết bị;

f) Chi phí tuyên truyền quảng bá giới thiệu hội chợ triển lãm;

g) Các khoản chi khác (nếu có);

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

2. Chi hỗ trợ "Tổ chức các hoạt động bán hàng, thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, khu đô thị thông qua doanh nghiệp kinh doanh theo ngành hàng, hợp tác xã, tổ hợp tác xã cung ứng dịch vụ trên địa bàn theo các đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt": Hỗ trợ 70% các khoản chi phí:

a) Chi phí vận chuyển;

b) Chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng quầy hàng;

c) Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ;

d) Trang trí chung của khu vực tổ chức hoạt động bán hàng;

đ) Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

e) Chi phí quản lý, nhân công phục vụ;

f) Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng;

g) Các khoản chi khác (nếu có);

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 105 triệu đồng/1 đợt bán hàng.

3. Chi hỗ trợ "Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm": Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

a) Chi phí mua tư liệu;

b) Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu;

c) Chi phí xuất bản và phát hành;

d) Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 1 triệu đồng/1 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

4. Chi hỗ trợ "Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác: Hỗ trợ 100% chi phí thực hiện nội dung sản phẩm truyền thông và phát hành.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 95 triệu đồng/1 chuyên đề tuyên truyền.

5. Chi hỗ trợ "Hỗ trợ công tác quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại": Hỗ trợ 50% các khoản chi phí (nếu chưa được nhà nước cấp kinh phí) liên quan đến công tác lập quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại, mua tư liệu nghiên cứu tham khảo.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 175 triệu đồng/1 cụm, điểm quy hoạch.

6. Chi hỗ trợ "Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong nước tổng hợp: Tháng khuyến mại, tuần hàng Việt Nam, chương trình hàng Việt, chương trình giới thiệu sản phẩm mới, bình chọn sản phẩm Việt Nam được yêu thích nhất theo tháng, quý, năm": Hỗ trợ 50% các khoản chi theo nội dung cụ thể tại hợp đồng thực hiện đề án, trong phạm vi khoản chi phí quy định tại khoản 1, khoản 2,

khoản 3 và khoản 4 Điều 6 của Thông tư này với mức khống chế số tiền hỗ trợ theo tỷ lệ tương ứng.

7. Chi hỗ trợ "Đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khoá đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành đặc thù; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước": Hỗ trợ 100% các khoản chi:

a) Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên và các khoản chi khác (nếu có);

b) Hoặc học phí trọn gói của khoá học.

Điều 7. Phạm vi và mức hỗ trợ kinh phí đối với Chương trình Xúc tiến thương mại miền núi, biên giới và hải đảo

1. Chi hỗ trợ tổ chức phiên chợ hàng Việt từ khu vực sản xuất đến miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và hải đảo: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- Chi phí vận chuyển;

- Chi phí thuê mặt bằng, dàn dựng gian hàng, điện nước, an ninh, vệ sinh;

- Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu chương trình tổ chức bán hàng và hệ thống phân phối hàng hóa;

- Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 150 triệu đồng/1 phiên. Riêng đối với phiên chợ đưa hàng Việt ra hải đảo mức hỗ trợ tối đa là 200 triệu đồng/1 phiên.

2. Chi hỗ trợ ổ chức và phát triển hệ thống phân phối hàng Việt sang các khu vực biên giới với các nước có chung biên giới: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

a) Tổ chức phiên chợ hàng Việt sang các khu vực biên giới với các nước có chung biên giới:

- Chi phí xin giấy phép chính quyền sở tại (tổ chức tại các tỉnh ở nước ngoài có biên giới với Việt Nam);

- Chi phí thuê mặt bằng, trang trí tổng thể, dàn dựng gian hàng, điện nước, an ninh, vệ sinh;

- Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu chương trình tổ chức bán hàng và hệ thống phân phối hàng hóa;

- Các khoản chi khác (nếu có);

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 300 triệu đồng/1 phiên.

b) Chi phí hành chính phải nộp thực tế cho cơ quan cấp phép để mở văn phòng đại diện tại các tỉnh nước ngoài có chung biên giới với Việt Nam.

3. Chi hỗ trợ "Xây dựng và cung cấp thông tin thị trường biên giới, cửa khẩu của Việt Nam và các nước có chung biên giới": Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

a) Chi phí mua tư liệu;

b) Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu;

c) Chi phí xuất bản và phát hành;

d) Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 1 triệu đồng/1 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

4. Chi hỗ trợ "Tổ chức các hoạt động giao nhận, vận chuyển và dịch vụ hỗ trợ xuất khẩu hàng hóa qua các cửa khẩu biên giới": Hỗ trợ 100% các khoản chi phí lập dự án đầu tư, chi phí thiết kế, chi phí các thủ tục hành chính, thẩm tra phê duyệt nhằm xây dựng bến bãi vận tải, giao nhận, tập kết hàng hóa, hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ xuất khẩu tại các cửa khẩu khu vực biên giới.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 350 triệu đồng/1 cụm, điểm quy hoạch.

5. Chi hỗ trợ "Tổ chức hoạt động giao dịch thương mại và đưa hàng vào Khu kinh tế cửa khẩu": Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

a) Tổ chức giao dịch: Thuê hội trường, thiết bị, trang trí, đón tiếp, tài liệu, phiên dịch;

b) Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 1 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

6. Chi hỗ trợ "Các hoạt động nâng cao năng lực cho thương nhân tham gia xuất khẩu hàng hóa qua biên giới và thương nhân tại các khu vực miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và hải đảo": Hỗ trợ 100% chi phí tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, các chủ nhiệm hợp tác xã và thương nhân vùng biên giới, miền núi và hải đảo về công tác quản lý chợ, khu kinh tế cửa khẩu, tổ chức mua bán tiêu thụ sản phẩm vùng biên giới, miền núi và hải đảo và tổ chức thực hiện các chính sách của Chính phủ.

7. Chi hỗ trợ "Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ hàng hóa, đặc biệt là nông sản cho miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và hải đảo": Hỗ trợ 100% các chi phí:

a) Chi phí thiết kế, xây dựng nội dung chiến lược truyền thông;

b) Chi phí sản xuất, xuất bản và phát hành.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 50 triệu đồng/1 chuyên đề tuyên truyền.

Điều 8. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước

Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Thông tư này hướng dẫn cụ thể thêm một số nội dung sau:

1. Lập và phân bổ dự toán

Hàng năm, Bộ Công Thương xây dựng dự toán kinh phí Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia (bao gồm dự toán do Cục Xúc tiến thương mại trực tiếp thực hiện và kinh phí ký hợp đồng đối với các Đơn vị chủ trì) và tổng hợp chung trong dự toán của Bộ, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định hiện hành.

Căn cứ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, Bộ Công Thương phê duyệt Chương trình, phân bổ kinh phí chi tiết theo từng Đơn vị chủ trì và nội dung quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 của Thông tư này bảo đảm nguyên tắc tổng kinh phí hỗ trợ để thực hiện các đề án của Chương trình không vượt quá dự toán được giao, gửi Bộ Tài chính thẩm định. Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương thực hiện giao dự toán cho Cục Xúc tiến thương mại (bao gồm kinh phí Cục Xúc tiến thương mại trực tiếp thực hiện và kinh phí ký hợp đồng đối với các Đơn vị chủ trì).

2. Chấp hành dự toán

Căn cứ dự toán chi ngân sách được Bộ Công Thương giao, Cục Xúc tiến thương mại thực hiện rút dự toán tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch. Kho bạc nhà nước nơi giao dịch thực hiện kiểm soát chi theo quy định hiện hành (hiện nay là Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính) và quy định tại Thông tư này.

a) Tạm ứng, thanh toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với trường hợp Cục Xúc tiến thương mại ký hợp đồng với các Đơn vị chủ trì:

- Tạm ứng kinh phí hỗ trợ:

+ Hồ sơ bao gồm: Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Chương trình theo các nội dung hỗ trợ quy định tại Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương giao dự toán cho Cục Xúc tiến thương mại; hợp đồng thực hiện đề án của Cục xúc tiến thương mại với các Đơn vị chủ trì;

+ Mức được tạm ứng tối đa: 70% dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ trên cơ sở tiến độ thực hiện. Trường hợp hoạt động xúc tiến thương mại thực hiện dịch vụ ngoài nước, nếu phía nước ngoài yêu cầu đặt cọc 100% giá trị hợp đồng thì mức tạm ứng bằng 100% dự toán được duyệt.

- Thanh toán kinh phí hỗ trợ, hồ sơ bao gồm: Hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng thực hiện đề án của Cục xúc tiến thương mại với các Đơn vị chủ trì;

- Các Đơn vị chủ trì tạm ứng và thanh toán kinh phí hỗ trợ tại Kho bạc nhà nước theo quy định hiện hành. Mức được tạm ứng tối đa: 70% dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ trên cơ sở tiến độ thực hiện. Trường hợp hoạt động xúc tiến thương mại thực hiện dịch vụ ngoài nước, nếu phía nước ngoài yêu cầu đặt cọc 100% giá trị hợp đồng thì mức tạm ứng bằng 100% dự toán được duyệt.

b) Tạm ứng, thanh toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với trường hợp Cục Xúc tiến thương mại trực tiếp thực hiện Chương trình:

- Tạm ứng và thanh toán: Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước.

- Mức được tạm ứng tối đa: 70% dự toán ngân sách nhà nước hỗ trợ trên cơ sở tiến độ thực hiện. Trường hợp hoạt động xúc tiến thương mại thực hiện dịch vụ ngoài nước, nếu phía nước ngoài yêu cầu đặt cọc 100% giá trị hợp đồng thì mức tạm ứng bằng 100% dự toán được duyệt.

3. Công tác hạch toán, quyết toán

a) Kinh phí thực hiện các đề án xúc tiến thương mại quốc gia hạch toán và quyết toán vào loại 430 khoản 459 "hoạt động xúc tiến thương mại", theo Chương tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước;

b) Nội dung, quy trình xét duyệt, thẩm định, thông báo quyết toán năm: Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp (hiện nay là Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 02/01/2007 của Bộ Tài chính); cụ thể:

Cục Xúc tiến thương mại lập báo cáo quyết toán kinh phí theo từng Chương trình, đề án báo cáo Bộ Công Thương; Bộ Công Thương có trách nhiệm xét duyệt, tổng hợp vào quyết toán chung của Bộ; gửi Bộ Tài chính thẩm định theo quy định.

c) Chứng từ lưu tại đơn vị trực tiếp thực hiện, gồm: Các chứng từ chi tiêu và hồ sơ, chứng từ khác có liên quan của đề án xúc tiến thương mại quốc gia theo quy định hiện hành.

Trường hợp Cục Xúc tiến thương mại ký hợp đồng với Đơn vị chủ trì: Chứng từ làm căn cứ thanh, quyết toán được lưu tại Cục Xúc tiến thương mại, gồm: Hợp đồng thực hiện đề án kèm theo dự toán chi tiết; biên bản nghiệm thu; thanh lý hợp đồng; giấy rút dự toán ngân sách và các tài liệu có liên quan.

d) Kinh phí chuyển sang năm sau

- Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho nội dung của Chương trình đang thực hiện dở dang hoặc đã giao/ký Hợp đồng, các đơn vị không sử dụng hết được chuyển sang năm sau.

- Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho nội dung Chương trình không giao/ký hợp đồng cho đơn vị thực hiện, phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

đ) Trường hợp mức hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này ít hơn hoặc lớn hơn số chi thực tế theo nội dung hỗ trợ được xử lý như sau:

- Trường hợp mức hỗ trợ ít hơn số chi thực tế thì khoản chênh lệch các doanh nghiệp tham gia được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh. Chứng từ lưu tại doanh nghiệp bao gồm: Bảng kê tổng hợp các khoản chi thực hiện đề án của Đơn vị chủ trì (trong đó có phân chia kinh phí nhà nước hỗ trợ và kinh phí doanh

nghiệp phải đóng góp); bản sao chứng từ chi của Đơn vị chủ trì có liên quan đến khoản kinh phí doanh nghiệp phải đóng góp.

- Trường hợp mức hỗ trợ lớn hơn số chi thực tế thì khoản chênh lệch các Đơn vị chủ trì phải nộp vào tài khoản dự toán của Cục Xúc tiến thương mại trong thời gian 15 ngày sau khi nghiệm thu, thanh lý hợp đồng để triển khai các đề án khác hoặc chuyển sang năm sau chi cho Chương trình.

Điều 9. Công tác kiểm tra, giám sát

Bộ Công Thương có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của các đề án, bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả. Trường hợp phát sinh các khoản kinh phí phải thu hồi qua kiểm tra của các cơ quan chức năng, Bộ Công Thương có trách nhiệm yêu cầu Đơn vị chủ trì hoàn trả ngân sách nhà nước và báo cáo về Bộ Tài chính kết quả thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quy định về quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình xúc tiến thương mại địa phương

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ quy định tại Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia; quy định về quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia theo Thông tư này; các quy định của luật pháp hiện hành về xúc tiến thương mại; để quy định nội dung xúc tiến thương mại được hỗ trợ và mức hỗ trợ kinh phí phù hợp với thực tế của địa phương, làm căn cứ cho các tổ chức xúc tiến thương mại của địa phương tổ chức thực hiện.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại của địa phương từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2015 và thay thế Thông tư số 88/2011/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trương Chí Trung

PHỤ LỤC
CÁC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày14/11/2014 của Bộ Tài chính)

1. Nội dung chi liên quan đến điều tra khảo sát áp dụng mức chi theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê;

2. Nội dung chi liên quan đến đào tạo bồi dưỡng áp dụng mức chi theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

3. Nội dung chi liên quan đến chi công tác phí cho cán bộ đi nước ngoài áp dụng mức chi theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

4. Nội dung chi liên quan đến chi công tác phí trong nước áp dụng mức chi theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Nội dung chi liên quan đến đón đoàn vào áp dụng mức chi theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

(Khi quy định tại các Thông tư trích dẫn trên đây thay đổi thì áp dụng theo văn bản mới)